|  |
| --- |
| **UNIT 1: CÂU HỎI WHERE, WHEN** |

**I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHERE (CÂU HỎI VỀ ĐỊA ĐIỂM)**

***1. Các hình thức của câu hỏi Where***

• Where + is/are + S

• Where + do/does/did/has/have/will + S + V

• Where + can/could/should/may/might/must + S + V

• Do you know/hear/remember/think + where…

***2. Các phương án đúng có thể là***

• At/in/on/from/to...(giới từ chỉ nơi chốn) + danh từ chỉ nơi chốn, địa điểm (Cụm giới từ chỉ nơi chốn, địa điểm)

• It hasn’t been decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận

• Let me check/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã

• Let me ask sb: để tôi hỏi ai đó

• Check sth: hãy kiểm tra cái gì

• I’m not sure…: tôi không chắn chắn

• I don’t know (yet)/I have no idea: tôi không biết

***3. Loại các phương án sai***

• Các câu trả lời bằng Yes hoặc No thường là phương án sai. Chúng chỉ có thể đúng với câu hỏi bắt đầu bằng trợ động từ “Do”.

• Các câu trả lời có lặp lại từ hoặc dùng từ đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

• Các câu trả lời gây nhiễu bằng các cụm At/in/on/from/to + từ chỉ thời gian.

**II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe và phân tích***

a. Câu hỏi 01 (01.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Where is the manual for the photocopier?  (A) Haven’t they left yet?  (B) Yes, it’s working.  (C) It should be in that file cabinet. | Sổ hướng dẫn của máy in ở đâu?  (A) Họ đã đi rời đi chưa?  (B) Đúng vậy, nó đang hoạt động.  (C) Có lẽ nó ở trong tủ hồ sơ kia kìa. |

b. Câu hỏi 02 (02.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Where is the dental clinic’s main office?  (A) It’s near Olive Street.  (B) About twice a year.  (C) For an appointment. | Văn phòng chính của phòng khám nha khoa ở đâu?  (A) Nó gần Phố Olive.  (B) Khoảng 2 lần một năm.  (C) Vì một cuộc hẹn. |

c. Câu hỏi 03 (03.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Where will the banquet take place?  (A) Please make a donation.  (B) The Washington Ballroom.  (C) In the evening, at 8:00. | Bữa đại tiệc sẽ diễn ra ở đâu?  (A) Vui lòng quyên góp.  (B) Phòng khiêu vũ Washington.  (C) Vào buổi tối, lúc 8 giờ. |

***2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (04.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Where \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (05.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Where \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (06.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Where \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (07.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Where \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (08.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Where \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (09.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Do you know where \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (10.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Where \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**III. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHEN (CÂU HỎI VỀ THỜI GIAN)**

***1. Các hình thức của câu hỏi When***

• When + is/are + S + giới từ/tính từ

• When + is/are + S + V-ing/V-ed

• When + do/does/did/has/have/will + S + V

• When + can/could/should/may/might/must + S + V

• Do you know/hear/remember/think + when…

***2. Các phương án đúng có thể là***

• In + lượng thời gian = trong bao lâu nữa (chỉ thời điểm ở tương lai)

• At + giờ cụ thể = vào lúc mấy giờ

• On + Thứ trong tuần/ngày trong tháng = vào ngày nào đó

• Before/After/Around + mốc thời gian = Trước/Sau/Khoảng thời điểm nào đó

• Next/Last + danh từ chỉ thời gian = vào thời điểm nào đó vào lần trước hoặc sắp đến.

• Within + khoảng thời gian = Trong vòng, trong phạm vi khoảng thời gian đó

• As soon as possible: sớm nhất có thể

• As soon as + S + V: ngay khi việc gì diễn ra

• Phương án có các trạng từ chỉ thời gian phù hợp về thì (quá khứ/hiện tại/tương lai) tương ứng với câu hỏi

• It hasn’t been deceided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận

• Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã

• Check + sth: hãy kiểm tra cái gì

• I’m not sure…: tôi không chắc chắn

• I don’t know/I have no idea: tôi không biết

***3. Loại các phương án sai***

• Các phương án trả lời bằng Yes hoặc No thường là phương án sai. Chúng chỉ có thể đúng với câu hỏi bắt đầu bằng trợ động từ “Do”.

• Các phương án trả lời có lặp lại từ hoặc dùng từ đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

• Các phương án trả lời gây nhiễu bằng các cụm At/in/on + từ chỉ địa điểm

• Các phương án trả lời gây nhiễu bằng các cụm Around/Next/Last + danh từ chỉ vật. Lúc này các cụm này có nghĩa là “xung quanh cái gì”, “cái gì tiếp theo”, “cái gì trước đó”.

• Phương án trả lời gồm giới từ For + khoảng thời gian = suốt khoảng thời gian đó 🡪 Chỉ một hành động xảy ra và kéo dài từ lúc bắt đầu đến cuối khoảng thời gian này. Do đó, nó không thể trả lời cho câu hỏi “when” vì “when” là hỏi thời điểm, mốc thời gian xảy ra sự việc.

• Phương án trả lời gồm cụm giới từ chỉ thời điểm nhưng không đúng về thì:

\*In + lượng thời gian = trong bao lâu nữa (chỉ thời điểm ở tương lai) 🡪 không thể trả lời cho câu hỏi When + động từ được chia ở các thì quá khứ.

\*Next + danh từ chỉ thời gian = vào thời điểm nào đó sắp tới (chỉ thời điểm ở tương lai) 🡪 không thể trả lời cho câu hỏi When + động từ được chi ở các thì quá khứ.

\*Last + danh từ chỉ thời gian = vào thời điểm nào đó trước đây (chỉ thời điểm ở quá khứ) 🡪 Không thể trả lời cho câu hỏi When + động từ được chia ở các thì hiện tại hoặc tương lai.

**IV. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe và phân tích***

a. Câu hỏi 01 (11.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| When should this application be submitted by?  (A) Every few hours.  (B) Tonight, I think.  (C) Please fill out this form. | Đơn xin này nên được nộp trễ nhất là lúc nào?  (A) Mỗi một vài tiếng.  (B) Tối nay, tôi nghĩ vậy.  (C) Vui lòng hoàn thành mẫu đơn này. |

b. Câu hỏi 02 (12.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| When will the company release its annual report?  (A) Later this week.  (B) We didn’t export them.  (C) I didn’t write them. | Khi nào thì công ty sẽ công bố bản báo cáo thường niên của họ?  (A) Cuối tuần này.  (B) Chúng tôi đã không xuất khẩu chúng.  (C) Tôi đã không viết chúng. |

c. Câu hỏi 03 (13.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| When did Ms. Iverson leave the company?  (A) For health reasons.  (B) A few months ago.  (C) No, I’m staying. | Cô Iverson đã rời khỏi công ty lúc nào vậy?  (A) Vì lí do sức khoẻ.  (B) Vài tháng trước.  (C) Không, tôi đang ở đây. |

***2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (14.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| When \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (15.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| When \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (16.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| When \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (17.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| When \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (18.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| When \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (19.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| When \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (20.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| When \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**V. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm where, when**

  

|  |
| --- |
| **UNIT 2: CÂU HỎI WHO, WHAT** |

**I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHO (CÂU HỎI VỀ NGƯỜI)**

***1. Các hình thức của câu hỏi Who***

• Who + is/are + S + giới từ/tính từ

• When + is/are + S + V-ing/V-ed

• When + do/does/did/has/have/will + S + V

• When + can/could/should/may/might/must + S + V

• Do/did you know/hear/remember/think + who…

***2. Các phương án đúng có thể là***

• Các phương án chứa đại từ chỉ người, tên người, tên chức vụ, bộ phận văn phòng.

• It hasn’t been deceided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận

• Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã

• Check + sth: hãy kiểm tra cái gì

• I’m not sure…: tôi không chắn chắn đâu

• I don’t know (yet)/I have no idea: tôi không biết

***3. Loại các phương án sai***

• Các phương án trả lời bằng Yes hoặc No thường là phương án sai. Chúng chỉ đúng với câu hỏi bắt đầu bằng trợ động từ “Do”.

• Các phương án trả lời có lặp lại từ hoặc dùng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

• Các phương án trả lời gồm giới từ + danh từ chỉ nơi chốn/thời gian đều là phương án sai vì những phương án như vậy chỉ trả lời cho câu hỏi Where/When, không thể trả lời cho câu hỏi Who.

• Các phương án trả lời gây nhiễu có chứa đại từ chỉ người, tên người, tên chức vụ, bộ phận văn phòng nhưng hành động thì không đúng với câu hỏi (hỏi làm việc này mà trả lời làm việc khác) hoặc không đúng về thì so với câu hỏi.

**II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe và phân tích***

a. Câu hỏi 01 (21.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Who’s going to repair the computer system?  (A) There are going to be two pairs.  (B) A technician will fix it tomorrow.  (C) No, I don’t know how. | Ai sẽ sửa chữa hệ thống máy tính?  (A) Sắp có 2 cặp.  (B) Một kĩ thuật viên sẽ sửa nó vào ngày mai.  (C) Không, tôi không biết làm cách nào cả. |

b. Câu hỏi 02 (22.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Who was on the telephone?  (A) It’s disconnected.  (B) This morning at 10.  (C) Some salesperson. | Ai đã nói chuyện điện thoại vậy?  (A) Nó đã bị ngắt kết nối.  (B) Sáng nay lúc 10 giờ.  (C) Một nhân viên bán hàng nào đó. |

c. Câu hỏi 03 (23.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Who translated this news article?  (A) From a finance magazine.  (B) Yes, it’s a new article.  (C) Kathy did that. | Ai đã biên dịch bài viết tin tức này?  (A) Từ một tạp chí tài chính.  (B) Đúng vậy, nó là một bài viết mới.  (C) Kathy đã làm việc đó. |

***2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (24.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (25.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (26.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (27.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (28.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (29.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Did you hear who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (30.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Do you know who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**III. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHAT** **(CÂU HỎI CÁI GÌ)**

***1. Các cấu trúc câu hỏi và câu trả lời tương ứng***

• What time…? - Hỏi về giờ 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ thời điểm.

• What kind of…? - Hỏi về loại nào 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ một loại đối tượng nào đó

• What color…? - Hỏi về màu sắc 🡪 Phương án đúng sẽ chứa từ chỉ màu sắc

• What should/ did + S + V…? – Hỏi về hành động 🡪 Phương án đúng sẽ chứa động từ chỉ hành động

• What ….made of? – Hỏi về chất liệu làm 🡪 Phương án đúng sẽ chứa từ chỉ chất liệu

• What is the best way to?/ what is the fastest way to? – Phương tiện nào là tốt nhất/ phương tiện nào là nhanh nhất? 🡪 Phương án đúng sẽ chứa tên một loại phương tiện (subway, highway, plane, train, bus,…)

• What’s the price/what’s final offer = How much? – Hỏi về giá cả 🡪 Phương án đúng sẽ chứa từ chỉ giá cả

• What do/did you think = what is/was your opinion? – Hỏi về ý kiến 🡪 Phương án đúng sẽ nêu ra ý kiến.

***2. Các phương án có thể đúng nữa là***

• It hasn’t decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận

• Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã

• Check + sth: kiểu tra cái gì

• I’m not sure…: tôi k chắn chắn đâu

• I don’t know/I have no idea: tôi không biết

***3. Loại các phương án sai***

• Các câu trả lời bằng Yes hoặc No thường là phương án sai.

• Các câu trả lời có lặp lại từ hoặc sử dụng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

**IV. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe và phân tích***

a. Câu hỏi 01 (31.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| What’s on the menu today?  (A) At 12:30 P.M.  (B) Various pasta dishes.  (C) A window seat would be nice. | Thực đơn hôm nay có gì?  (A) Vào lúc 12 giờ 30 trưa.  (B) Nhiều món mì Ý khác nhau.  (C) Một chỗ ngồi gần cửa sổ thì tốt. |

b. Câu hỏi 02 (32.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| What time does the pharmacy close this evening?  (A) Yes, if you have time.  (B) Actually, it’s already closed.  (C) Across from the café. | Tối nay hiệu thuốc đóng cửa lúc mấy giờ?  (A) Đúng vậy, nếu bạn có thời gian.  (B) Thật ra, nó đã đóng cửa rồi.  (C) Đối diện quán cà phê. |

c. Câu hỏi 03 (33.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| What did you like about the factory tour?  (A) Yes, everyone in our group did.  (B) At a clothing manufacturer.  (C) Our guide was very knowledgeable. | Bạn thích gì về chuyến tham quan nhà máy?  (A) Phải, mọi người trong nhóm đều đã làm.  (B) Tại một nhà sản xuất quần áo.  (C) Hướng dẫn viên của chúng tôi rất am  hiểu. |

***2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (34.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (35.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (36.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (37.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (38.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (39.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (40.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| What \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**V. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm who, what**

  

|  |
| --- |
| **UNIT 3: CÂU HỎI WHY, HOW** |

**I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHY (CÂU HỎI TẠI SAO)**

***1. Các hình thức của câu hỏi Why***

• Why + trợ động từ + S + V? 🡪 Hỏi lí do

• Why don’t you/we + S + V? 🡪 Đây dạng câu thể hiện sự đề nghị

***2. Các phương án đúng có thể là***

• Đối với câu hỏi lí do, các phương án đúng có thể là:

+ To V: để làm gì

+ Maybe, probably…: có thể…

+ Giới từ chỉ lí do: Due to / Because of / Owing to / Thanks to / On account of + N: vì, do, bởi

+ Liên từ chỉ lí do: Because / Since / As / Now that + S + V: vì, do, bởi

• Đối với câu thể hiện đề nghị, các phương án có thể đúng là:

+ That’s a good/great/wonderful idea: đó là một ý tưởng hay, tuyệt vời.

+ Các phương án có chứa Yes hoặc No/câu hỏi cũng có thể là phương án đúng đối với loại câu hỏi này.

• It hasn’t deceided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận

• Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã

• Check + sth: kiểu tra cái gì

• I’m not sure…: tôi không chắn chắn đâu

• I don’t know/I have no idea: tôi không biết

***3. Loại các phương án sai***

• Đối với câu hỏi mang tính chất hỏi lí do thì các phương án trả lời bằng Yes hoặc No đều là phương án sai. Chúng chỉ có thể đúng với câu hỏi mang tính chất đề nghị.

• Các phương án trả lời có lặp lại từ hoặc dùng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

**II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe và phân tích***

a. Câu hỏi 01 (41.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Why has the traffic stopped moving?  (A) Maybe there’s some road construction.  (B) Yes, I’d love to see a movie.  (C) No thanks, I can take the train. | Tại sao các phương tiện giao thông lại dừng lại?  (A) Có thể do việc xây dựng đường sá.  (B) Đúng vậy, tôi muốn đi xem một bộ phim.  (C) Không, cảm ơn, tôi có thể đi tàu. |

b. Câu hỏi 02 (42.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Why is the store closed so early today?  (A) No, it isn’t very close.  (B) Yes, I got up at six today.  (C) It’s a national holiday. | Tại sao cửa hàng hôm nay lại đóng cửa sớm quá vậy?  (A) Không, nó không gần lắm đâu.  (B) Đúng, hôm nay tôi đã dậy lúc 6 giờ.  (C) Nó là một ngày quốc lễ. |

c. Câu hỏi 03 (43.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Why wasn’t Mr. Davis at the meeting?  (A) He’s out of town.  (B) Conference room B.  (C) At three o’clock. | Tại sao ông Davis không có mặt ở cuộc họp?  (A) Ông ấy đang ở ngoại thành.  (B) Phòng hội nghị B.  (C) Vào lúc 3 giờ. |

***2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (44.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Why \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (45.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Why \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (46.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Why \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (47.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Do you know why \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (48.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Why \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (49.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Why \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (50.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Why \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**III. PHÂN TÍCH CÂU HỎI HOW (CÂU HỎI CÁCH THỨC)**

***1. Các cấu trúc câu hỏi và câu trả lời tương ứng***

• How much + be + …? – Câu hỏi về giá cả 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ giá cả

• How much + do/does/did +… + cost? – Câu hỏi về giá cả 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ giá cả

• How much + N? – Hỏi lượng bao nhiêu của một cái gì đó 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ lượng

• How many + N? Hỏi về số lượng 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ số lượng.

• How + trợ động từ + S + V…? – Hỏi cách thức làm như thế nào 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ hành động phù hợp.

• How + động từ chỉ sự di chuyển (get/come/arrive/move/travel…)? – Hỏi phương tiện di chuyển 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ phương tiện đi lại.

• How do/did you feel? – Hỏi về cảm nhận, ý kiến 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ ý kiến.

• How far…? – Hỏi khoảng cách bao xa 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ khoảng cách.

• How long…? – Hỏi hành động kéo dài trong thời gian bao lâu 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ một khoảng thời gian hoặc “for, over, more/less than…” + khoảng thời gian

• How often…? – Hỏi tần suất 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ tần suất.

• How soon/late = When…? – Hỏi thời điểm 🡪 Câu trả lời có chứa từ chỉ thời điểm.

• How long + book/magazine/ newpaper/ novel? – Hỏi số lượng trang của một loại sách nào đó 🡪 Phương án đúng có chứa từ chỉ số trang.

• How about + Ving…? – Dạng câu đưa ra đề nghị, đề xuất 🡪 Các phương án trả lời đúng có thể là:

+ That’s a good/great/wonderful idea: đó là một ý tưởng hay, tuyệt vời.

+ I (don’t) think that’s a good/great/wonderful idea: tôi (không) nghĩ đó là một ý tưởng hay, tuyệt vời.

+ Các phương án có chứa Yes hoặc No/câu hỏi cũng có thể là phương án đúng đối với loại câu hỏi này.

***2. Các phương án có thể đúng nữa là***

• It hasn’t decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận

• Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã

• Check + sth: kiểu tra cái gì

• I’m not sure…: tôi k chắn chắn đâu

• I don’t know/I have no idea: tôi không biết

***3. Loại các phương án sai***

• Các câu trả lời bằng Yes hoặc No thường là phương án sai.

• Các câu trả lời có lặp lại từ hoặc sử dụng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

**IV. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe và phân tích***

a. Câu hỏi 01 (51.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| How will you get to the restaurant tonight?  (A) I’ll take the bus.  (B) No later than seven o’clock.  (C) I think I’ll rest a while. | Bạn sẽ đến nhà hàng bằng cách nào?  (A) Tôi sẽ bắt xe buýt.  (B) Không muộn hơn 7 giờ.  (C) Tôi nghĩ tôi sẽ nghỉ ngơi một lát. |

b. Câu hỏi 02 (52.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| How long will it be before we get to the theater?  (A) It’s three meters long.  (B) About fifteen minutes or so.  (C) No, not by bus. | Sẽ mất bao lâu trước khi chúng ta đến rạp?  (A) Nó dài 3 mét.  (B) Khoảng 15 phút.  (C) Không, không phải bằng xe buýt. |

c. Câu hỏi 03 (53.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Do you know how often the bus comes?  (A) No, he doesn’t come here often.  (B) The box came in this morning.  (C) About every 30 minutes. | Bạn có biết tần suất xe buýt đến đây không?  (A) Không, anh ấy không đến đây thường xuyên.  (B) Chiếc hộp đã đến đây vào sáng nay.  (C) Khoảng 30 phút 1 chuyến. |

***2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (54.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| How \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (55.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Do you know how \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (56.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| How \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (57.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| How \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (58.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| How \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (59.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| How \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (60.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| How \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**V. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm why, how**

  

|  |
| --- |
| **UNIT 4: CÂU HỎI YES-NO, CÂU HỎI ĐUÔI** |

**I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI YES-NO**

***1. Các hình thức của câu hỏi Yes-No***

• Be (am/is/are) (+ not) + S + V-ing/V-ed/Adj/Prep

• Do (do/does/did) (+ not) + S + V

• Have (have/has/had) (+ not) + S + V-ed

• Will/would/can/could/should (+ not) + S + V

***2. Các phương án đúng có thể là***

• Câu trả lời Yes/No và nội dung phía sau phù hợp với câu hỏi.

• Các trạng từ diễn tả sự chắc chắn: sure, absolutely, definitely, actually.

• Các câu trần thuật trả lời thẳng nội dung trong câu hỏi mà không cần Yes/No.

• Các câu hỏi Yes/No bắt đầu bằng các động từ khiếm khuyết thường có ý diễn tả sự đề nghị, yêu cầu, lời mời. Những câu hỏi như vậy có thể trả lời bằng các hình thức sau:

+ Sure / Ok / Sorry.

+ That sounds good / That’s fine.

+ I’d love to / be happy to / be glad to / appreciate it.

+ No problem / Not at all.

+ I’ll handle it.

• It hasn’t decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận

• Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã

• Check + sth: kiểu tra cái gì

• I’m not sure…: tôi k chắn chắn đâu

• I don’t know/I have no idea: tôi không biết

***3. Loại các phương án sai***

• Các câu trả lời có lặp lại từ hoặc sử dụng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

• Các câu trả lời có giới từ + danh từ chỉ địa điểm/thời gian thường là phương án sai (vì chúng trả lời cho câu hỏi Where/When).

**II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe và phân tích***

a. Câu hỏi 01 (61.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Did you go shopping last weekend?  (A) That one comes first.  (B) No, I didn’t have time.  (C) They’re quite friendly. | Cuối tuần trước bạn có đi mua sắm không?  (A) Cái đó thì đến đầu tiên.  (B) Không, tôi không có thời gian.  (C) Họ khá là thân thiện. |

b. Câu hỏi 02 (62.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Can you call me back before five P.M.?  (A) Yes, no problem.  (B) There are only four.  (C) It’s in the back. | Bạn có thể gọi lại cho tôi lúc 6 giờ chiều không?  (A) Được, không thành vấn đề.  (B) Chỉ có bốn cái.  (C) Nó nằm ở đằng sau. |

c. Câu hỏi 03 (63.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Hasn’t it stop raining yet?  (A) No, I can’t.  (B) Yes, it has.  (C) Sure, why not? | Trời đã tạnh mưa chưa vậy?  (A) Không, tôi không thể.  (B) Rồi, trời đã tạnh.  (C) Chắc chắn rồi, tại sao lại không? |

***2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (64.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Have \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (65.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Jane, do you \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (66.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Could you \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (67.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Can you \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (68.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Isn’t there \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (69.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Could you \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (70.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Didn’t you \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**III. PHÂN TÍCH CÂU HỎI ĐUÔI**

***1. Khái niệm***

• Câu hỏi đuôi là dạng câu có hình thức dùng để hỏi được gắn vào đuôi của câu trần thuật khẳng định hoặc phủ định.

• Về mặt ý nghĩa hỏi, thì câu hỏi đuôi giống câu hỏi Yes-No. Vì thế câu trả lời có thể tương tự như câu trả lời của câu hỏi Yes-No.

• Nếu phía trước là câu khẳng định, thì câu hỏi đuôi sẽ ở dạng phủ định và ngược lại.

• Chủ ngữ trong câu hỏi đuôi sẽ tương ứng với chủ ngữ trong câu trần thuật phía trước.

• Khác với những câu hỏi thông thường đều có hình thức dùng để hỏi nằm ở đầu câu (Who, When, Where, What, Why, How…).

***2. Các hình thức của câu hỏi đuôi***

a. Nếu trong mệnh đề phía trước có trợ động từ thường (be/do/have) hoặc “be” làm động từ chính, thì câu hỏi đuôi sẽ lặp lại trợ động từ đó hoặc lặp lại động từ chính “be”.

VD1: You **haven’t** seen Mary today, **have** you?

VD2: You **are** writing the report, **aren’t** you?

b. Nếu trong mệnh đề phía trước có trợ động từ tình thái (động từ khiếm khuyết) thì câu hỏi đuôi sẽ lặp lại trợ động từ tình thái đó.

VD1: The children **can** swim, **can’t** they?

VD2: Mary **will** be here soon, **won’t** she?

c. Nếu trong mệnh đề phía trước không có trợ động từ, tức là lúc này câu được chia ở thì hiện tại đơn hoặc quá khứ đơn dạng khẳng định, thì ta dùng các trợ động từ thường tương ứng với thì và ngôi cũng như số lượng của chủ ngữ.

VD1: You **live** near here, **don’t** you?

🡪 Câu trần thuật được chia ở thì hiện tại đơn, chủ ngữ là “you”. Vậy ta dùng trợ động từ phù hợp là “do”.

VD2: Karen **plays** the piano, **doesn’t** she?

🡪 Câu trần thuật được chia ở thì hiện tại đơn, chủ ngữ là “Karen”. Vậy ta dùng trợ động từ phù hợp là “does”, đại từ thay thế phù hợp là “she”.

VD3: Tom and Jerry **locked** the door, **didn’t** they?

🡪 Câu trần thuật được chia ở thì quá khứ đơn, chủ ngữ là “Tom and Jerry”. Vậy ta dùng trợ động từ phù hợp là “did”, đại từ thay thế phù hợp là “they”.

***2. Cách trả lời câu hỏi đuôi***

• Câu trả lời Yes có nghĩa là hình thức câu trần thuật khẳng định là đúng. Câu trả lời No có nghĩa là hình thức câu trần thuật phủ định là đúng. Bất kể câu hỏi đuôi ở hình thức khẳng định hay phủ định.

VD1: Claire is married, isn’t she?

- **Yes** (= she is married), last month.

- **No** (= she isn’t married), but she will get married next month.

VD2: Andrew hasn’t got many friends, has he?

- **Yes** (= Andrew has got many friends), because he’s a friendly and open man.

- **No** (= Andrew hasn’t got many friends), because he’s reserved.

• It hasn’t decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận

• Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã

• Check + sth: kiểu tra cái gì

• I’m not sure…: tôi k chắn chắn đâu

• I don’t know/I have no idea: tôi không biết

***3. Loại các phương án sai***

• Các câu trả lời có lặp lại từ hoặc sử dụng từ (gần) đồng âm trong câu hỏi thường là phương án sai.

• Các câu trả lời Yes/No nhưng vế phía sau không đúng nội dung Yes/No tương ứng.

**IV. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe và phân tích***

a. Câu hỏi 01 (71.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| He’s in the customer service department, isn’t he?  (A) OK, I’ll tell him “no”.  (B) It isn’t very big.  (C) No, in the sales department. | Anh ấy ở bộ phận dịch vụ khách hàng phải không?  (A) Được, tôi sẽ nói với anh ấy là “không”.  (B) Nó không lớn lắm.  (C) Không, ở bộ phận bán hàng. |

a. Câu hỏi 02 (72.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Mr. Thompson likes Italian food, doesn’t he?  (A) It’s his favorite.  (B) An Italian car.  (C) No, I don’t own any. | Ông Thompson thích đồ ăn Ý phải không?  (A) Nó là loại yêu thích của ông ấy.  (B) Một chiếc xe hơi của Ý.  (C) Không, tôi không có cái nào cả. |

b. Câu hỏi 03 (73.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| You’ll make the reservation for this evening, won’t you?  (A) I’ve already made one.  (B) No, I won’t be late.  (C) Near the front, please. | Bạn sẽ đặt chỗ cho buổi tối nay phải không?  (A) Tôi đã đặt một chỗ rồi.  (B) Không, tôi sẽ không đến trễ.  (C) Gần phía trước, làm ơn. |

***2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (74.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (75.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (76.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (77.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (78.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (79.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (80.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**V. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm câu hỏi Yes-No, câu hỏi đuôi**

  

|  |
| --- |
| **UNIT 5: CÂU HỎI LỰA CHỌN, CÂU HỎI WHICH** |

**I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI LỰA CHỌN**

***1. Các hình thức của câu hỏi lựa chọn***

• Câu hỏi lựa chọn có hình thức hỏi giống như câu hỏi Yes-No, phần nội dung câu hỏi sẽ được thêm liên từ “or” nối 2 thành phần để lựa chọn.

• Vì câu hỏi lựa chọn có hình thức hỏi gần giống câu hỏi Yes-No, mà câu hỏi Yes-No thì có thể trả lời bằng Yes/No, còn câu hỏi lựa chọn thì không; nên ta phải chú ý nghe kĩ cả nội dung câu hỏi để phân biệt câu hỏi Yes-No hay câu hỏi lựa chọn.

***2. Các phương án đúng có thể là***

• Câu trả lời có lặp lại một trong 2 sự lựa chọn.

• I prefer…: tôi thích…hơn

• Either is good/fine/ok: một trong 2 cái đều được.

• Neither is good/fine/ok: không cái nào được.

• Both are good/fine/ok: cả 2 đều được.

• The first/second one: cái thứ nhất/thứ hai

• Whichever: tuỳ cái nào

• It doesn’t matter to me: nó không là vấn đề với tôi

• Instead: dùng để đề xuất 1 lựa chọn khác

• It hasn’t decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận

• Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã

• Check + sth: kiểu tra cái gì

• I’m not sure…: tôi k chắn chắn đâu

• I don’t know/I have no idea: tôi không biết

***3. Loại các phương án sai***

• Các câu trả lời Yes/No trong loại câu hỏi này là phương án sai.

**II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe và phân tích***

a. Câu hỏi 01 (81.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Would you like soup, or do you prefer salad?  (A) An extensive menu.  (B) Soup would be best.  (C) I prefer a booth. | Bạn muốn dùng món canh, hay bạn thích rau trộn hơn?  (A) Một thực đơn phong phú.  (B) Canh là tốt nhất.  (C) Tôi thích một cái bốt hơn. |

b. Câu hỏi 02 (82.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Would you rather eat out or have something delivered?  (A) I’ll have salmon.  (B) I’d rather visit a restaurant.  (C) Normally every week. | Bạn thích ăn ngoài hay đặt thứ gì đó giao đến?  (A) Tôi sẽ ăn cá hồi.  (B) Tôi thích đi nhà hàng hơn.  (C) Thông thường mỗi tuần. |

c. Câu hỏi 03 (83.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Would you like an economy or business class seat?  (A) I’ll be away on business.  (B) Economy class is fine.  (C) Let’s leave soon. | Bạn thích chỗ ngồi hạng phổ thông hay hạng thương gia?  (A) Tôi sẽ đi công tác xa.  (B) Hạng phổ thông thì ổn rồi.  (C) Chúng ta hãy rời đi sớm. |

***2. Nghe và viết câu hỏi và các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (84.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Would \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (85.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Do you \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (86.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Would \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (87.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Do you \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (88.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (89.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (90.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Are \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**III. PHÂN TÍCH CÂU HỎI WHICH**

***1. Khái niệm***

Câu hỏi Which cũng mang hàm ý lựa chọn giữa một nhóm đối tượng mà người hỏi và người nghe đều hiểu. Cấu trúc của câu hỏi Which là:

• Which + N + trợ V/V khiếm khuyết + S + V

***2. Các phương án đúng có thể là***

• Các phương án có thể đúng với câu hỏi lựa chọn thì cũng đúng với câu hỏi Which.

• Câu trả lời đúng phổ biến nhất cho câu hỏi Which là “the one…/the…one”.

• It hasn’t decided/confirmed/finalized/discussed yet: nó vẫn chưa được quyết định/xác nhận/hoàn thành/thảo luận

• Let me check/ask/find out/see: để tôi kiểm tra/hỏi/tìm hiểu/xem đã

• Check + sth: kiểu tra cái gì

• I’m not sure…: tôi k chắn chắn đâu

• I don’t know/I have no idea: tôi không biết

***3. Loại các phương án sai***

• Các câu trả lời Yes/No trong loại câu hỏi này là phương án sai.

**IV. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe và phân tích***

a. Câu hỏi 01 (91.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Which advertising agency does Pamela work for?  (A) The agencies are meeting next week.  (B) She’s with the Thompson Agency.  (C) Does she have an agent? | Pamela làm việc cho đại lí quảng cáo nào?  (A) Các đại lí sẽ gặp nhau vào tuần tới.  (B) Cô ấy làm việc cho đại lí Thompson.  (C) Cô ấy có nhân viên đại lí không? |

b. Câu hỏi 02 (92.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Which gym do you use?  (A) The one near my home.  (B) Treadmills mostly.  (C) I think its new. | Bạn dùng phòng tập thể dục nào?  (A) Cái ở gần nhà tôi.  (B) Hầu như là máy chạy bộ.  (C) Tôi nghĩ nó mới mẻ. |

c. Câu hỏi 03 (93.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Which new employees need new ID card?  (A) On April 1.  (B) Only the part-timers.  (C) For security reasons. | Những nhân viên nào thì cần thẻ ID mới?  (A) Vào ngày 1 tháng Tư.  (B) Chỉ những nhân viên bán thời gian.  (C) Vì lí do an ninh. |

***2. Nghe & viết các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (94.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Which \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (95.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Which \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (96.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Which \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (97.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Which \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (98.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Which \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (99.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Which \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (100.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Which \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**V. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm câu hỏi lựa chọn, câu hỏi Which**

  

|  |
| --- |
| **UNIT 6: CÂU HỎI TRẦN THUẬT, CÂU MỆNH LỆNH** |

**I. PHÂN TÍCH CÂU HỎI CÓ DẠNG TRẦN THUẬT, CÂU MỆNH LỆNH**

1. Các câu hỏi thuộc nhóm này buộc thí sinh phải nghe hiểu toàn bộ nội dung để có thể chọn phương án chính xác.

2. Câu hỏi có dạng câu trần thuật có thể nói về bất kì nội dung nào. Do đó không có hình thức trả lời cụ thể cho dạng câu hỏi này.

3. Một số câu trần thuật mang ý nghĩa đưa ra lời đề nghị “I’d like / I’d + V” thì cũng có thể được trả lời như câu đề nghị đã học trong Câu hỏi Why và Câu hỏi Yes-No.

**II. LUYỆN TẬP CÁC CÂU HỎI MẪU**

***1. Nghe & phân tích***

a. Câu hỏi 01 (101.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Excuse me, I need to change my destination from Osaka to Tokyo.  (A) The luggage department is upstairs.  (B) I don’t need to go there.  (C) Let’s see if there are any seats. | Xin lỗi, tôi cần thay đổi điểm đến từ Osaka đổi thành Tokyo.  (A) Bộ phận hành lí ở trên lầu.  (B) Tôi không cần đến đó.  (C) Để tôi xem thử còn chỗ nào không. |

b. Câu hỏi 02 (102.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Don’t forget to turn off the air conditioner.  (A) You can keep going straight.  (B) Thanks for reminding me.  (C) There’s one in my office. | Đừng quên tắt điều hoà nhé.  (A) Bạn có thể tiếp tục đi thẳng.  (B) Cảm ơn vì đã nhắc tôi.  (C) Có một cái trong văn phòng của tôi. |

c. Câu hỏi 03 (103.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| Let’s share the profits evenly among us.  (A) Both halves are even.  (B) Their shares rose today.  (C) That sounds fair. | Hãy chia đều lợi nhuận trong số chúng ta.  (A) Hai nửa thì đều nhau.  (B) Cổ phiếu của họ đã tăng hôm nay.  (C) Việc đó nghe có vẻ công bằng. |

***2. Nghe & viết các phương án trả lời***

a. Câu hỏi 04 (104.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

b. Câu hỏi 05 (105.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

c. Câu hỏi 06 (106.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

d. Câu hỏi 07 (107.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

e. Câu hỏi 08 (108.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

f. Câu hỏi 09 (109.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

g. Câu hỏi 10 (110.mp3)

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  (A)  (B)  (C) |  |

**III. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Nghe và trả lời 30 câu hỏi hỗn hợp gồm câu hỏi trần thuật, câu mệnh lệnh.**

  